

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/DS-ST.**

Ngày: 20 – 01 – 2021.

V/v: “*Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Võ Đăng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST – DS ngày 30/7/2020; về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 41/TB-TA, ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 7, xã Gia An, huyện TL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã Gia An, huyện TL. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 7, xã Gia An, huyện TL. Vắng mặt (Ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị Bình).

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã Gia An, huyện TL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Nguyễn Thị B khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị B số tiền vay gốc là **26.000.000 đồng** và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật dân sự quy định từ thời điểm tháng 7/2019 đến thời điểm xét xử. Bởi vì vào ngày 08/6/2019 lịch, chị T vay của chị B số tiền 26.000.000 đồng, chị T có viết giấy vay tiền cho chị B đã cung cấp cho Tòa án, hai bên không thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn trả. Sau đó nhiều lần chị B yêu cầu chị T trả tiền vay nhưng chị T không thực hiện.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên Tòa, bị đơn - chị Đỗ Thị Bích T trình bày:

Năm 2018 chị T có tham gia chơi hụi 1.000.000 đồng do chị B làm chủ hụi, có 13 phần hụi, chị T tham gia 01 phần và đã hốt đầu. Sau khi nhận phần hụi, số tiền hụi chết chị T phải đóng cho chị B là 12 kỳ, mỗi kỳ 1.000.000 đồng, tương ứng 12.000.000 đồng/12 kỳ nhưng mới đóng được 02 kỳ, còn 10 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng chưa đóng. Sau đó chị T với chị B có chốt lại số tiền nợ hụi còn thiếu và viết giấy nợ cho chị B giữ nhưng giấy chốt nợ hụi này không phải là giấy ghi ngày 08/6/2019 như chị B đã cung cấp cho Tòa án. Do đó, hiện nay chị T chỉ công nhận còn thiếu chị B tổng số tiền là **10.000.000 đồng** chứ không phải là 26.000.000 đồng như chị B đã khởi kiện.

Giấy nhận nợ chị B cung cấp thì chị T không xác định được đó có phải là chữ ký và chữ viết của chị T hay không. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết này. Số tiền chị T công nhận còn thiếu chị B thực chất là nợ hụi chứ không phải nợ vay, việc chị T chơi hụi thì chồng chị T không biết, cũng không tham gia. Do đó chị T có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho chị B chứ không liên đới đến nghĩa vụ của chồng chồng chị T.

[3]. Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Lê Sỹ T không tham gia tố tụng mà ủy quyền bằng văn bản cho chị Nguyễn Thị B đại diện tham gia tố tụng.

[4]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T là chồng của chị T. Việc vay mượn tiền và chơi huê hụi giữa chị B với chị T thì anh T không biết và cũng không tham gia; chị T không sử dụng tiền đã vay và hốt hụi vào mục đích cho sinh hoạt chung của gia đình, cũng không rõ chị T sử dụng vào mục đích gì. Do đó anh T xác định không có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả tiền còn thiếu cho chị B.

[5]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Giấy vay tiền ngày 08/6/2019 âm lịch, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy ủy quyền.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Bản sao chứng minh nhân dân.
- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị Bình, chị Thu và anh Tiến.

[6]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Không có.

[7]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Chị Đỗ Thị Bích T xác định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 08/6/2019 do chị Nguyễn Thị B cung cấp không phải của chị T.

Chị Đỗ Thị Bích T chỉ còn thiếu chị Nguyễn Thị B số tiền 10.000.000 đồng chứ không phải 26.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị B.

[8]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị B số tiền 26.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; vợ chồng chị T phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định và hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa, bị đơn – chị Đỗ Thị Bích T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Lê Sỹ T, anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt. Trong đó anh T đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị B còn chị T và anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ các giao dịch dân sự vay tài sản. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện TL, tỉnh BT. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại phiên Tòa, chị Nguyễn Thị B căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 08/6/2019 để xác định chị Đỗ Thị Bích T có vay của chị B số tiền **26.000.000 đồng**, đến nay vẫn chưa trả nên chị B yêu cầu chị T phải trả số tiền còn thiếu này.

Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo lời khai tại bút lục số 23; chị Đỗ Thị Bích T trình bày vào năm 2018 chị T tham gia chơi hụi do chị B làm chủ hụi, đã nhận phần hụi nhưng chưa đóng đủ và còn nợ lại 10 kỳ, tương ứng với số tiền 10.000.000 đồng chứ không vay tiền và cũng không thiếu của chị B số tiền 26.000.000 đồng như nội dung khởi kiện của chị B. Tuy nhiên, chị T không cung cấp được chứng cứ có tham gia chơi hụi, nhận phần hụi và còn thiếu tiền hụi của chị B và cũng không công nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày lập ngày 08/6/2019 là của chị T.

Do chị Đỗ Thị Bích T không công nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày lập ngày 08/6/2019 là của chị T nên chị Nguyễn Thị B đã yêu cầu tạm dừng phiên Tòa để tiến hành giám định chữ ký của chị T. Tại Kết luận giám định số 1199/KLGD-PC09, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BT đã xác định: “*Chữ ký, chữ viết có nội dung: “Bữa nay ngày 8, tháng 6, 2019 e Thu nợ chị Bình là 26.000.000 triệu hai mươi sáu triệu đồng, thu Đỗ Thị Bích T...” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết Đỗ Thị Bích T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký và viết*”.

Như vậy, từ lời trình bày của đương sự, theo giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp cũng như kết quả giám định chữ viết, chữ ký của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BT thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định hiện nay số tiền chị Đỗ Thị Bích T còn thiếu chị Nguyễn Thị B là 26.000.000 đồng chứ không phải là 10.000.000 đồng theo như lời khai nại của chị T. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị B đối với chị T là có căn cứ, được chấp nhận. Theo đó cần buộc chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền **26.000.000 đồng** còn thiếu là phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:* Tại phiên Tòa, ngoài việc yêu cầu bên bị đơn phải trả tiền gốc đã vay thì nguyên đơn – chị Nguyễn Thị B còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc này, từ thời điểm tháng 7/2019 đến thời điểm tháng 12/2020, theo mức lãi suất do pháp luật dân sự quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào nội dung giấy vay tiền lập ngày 08/6/2019 bà B đã cung cấp thì việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, không ghi lãi suất thỏa thuận; khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy yêu cầu tính lãi của bà Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 26.000.000 đồng x 17 tháng x 0,83%/tháng (10%/năm) = **3.669.000 đồng**.

[5] *Về nghĩa vụ trả tiền vay:* Tại phiên Tòa, chị Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải liên đới nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho vợ chồng chị B. Trong khi đó, thể hiện ý kiến tại bút lục số 24 có trong hồ sơ, anh T xác định không biết gì về việc chị T thiếu tiền của chị B. Riêng chị T cho rằng chỉ có một mình chị T xác lập giao dịch với chị B chứ anh T không tham gia; tuy nhiên chị T thừa nhận tiền nhận từ chị B về sử dụng vào việc làm ăn, kinh doanh trong gia đình. Hiện tại chị T và anh T vẫn là vợ chồng, đang chung sống với nhau. Do đó có đủ căn cứ để buộc anh T phải liên đới nghĩa vụ với chị T trả số tiền còn thiếu cho vợ chồng chị B, là phù hợp với các Điều 27 và 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] *Về chi phí giám định chữ viết:* Chị Đỗ Thị Bích T không công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền lập ngày 08/6/2019 là của chị T nên chị Nguyễn Thị B đã yêu cầu để tiến hành giám định. Kết quả giám định đã xác định đối tượng cần giám định là chữ viết của chị T, kết luận này được Hội đồng xét xử dùng làm chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B. Do đó cần buộc chị T phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; cần buộc chị T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Bình số tiền 1.530.000 đồng chi phí giám định là phù hợp.

[7] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội.

[8] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị B số tiền 26.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; vợ chồng chị T phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định và hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị B. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 160, 161, 162, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị B. Buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền **29.669.000 đồng**, trong đó có 26.000.000 đồng tiền vay gốc và 3.669.000 đồng tiền lãi phát sinh. Chia phần chị T, anh T mỗi người phải trả cho vợ chồng chị B, anh T số tiền 14.834.500 đồng.
- Buộc chị Đỗ Thị Bích T phải chịu chi phí giám định chữ viết. Buộc chị T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền **1.530.000 đồng** chi phí giám định.

Kể từ ngày 21/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải nộp 1.560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị B 650.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N. 004723, ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TL.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/01/2021). Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ